

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



# CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 26 + 27

Ngày 01 tháng 01 năm 2025

## MỤC LỤC

Trang

### VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- |             |   |    |
|-------------|---|----|
| 14-12-2024- | Quyết định số 5840/QĐ-UBND về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế.              | 3  |
| 14-12-2024- | Quyết định số 5841/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. | 10 |
| 14-12-2024- | Quyết định số 5843/QĐ-UBND phê duyệt thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến do Sở Xây dựng quản lý năm 2024.                            | 13 |
| 14-12-2024- | Quyết định số 5844/QĐ-UBND phê duyệt thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý năm 2024. | 24 |

- 16-12-2024- Quyết định số 5845/QĐ-UBND phê duyệt thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến do Sở Tư pháp quản lý năm 2024. 39
- 16-12-2024- Quyết định số 5846/QĐ-UBND phê duyệt thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến do Sở An toàn thực phẩm quản lý năm 2024. 61
- 17-12-2024- Quyết định số 5863/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp quản lý hạ tầng kỹ thuật trong hành lang, xung quanh nhà ga tuyến đường sắt đô thị số 1. 67

## VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5840/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 12 năm 2024

#### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật  
sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền  
địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Theo đề nghị Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 13138/TTr-SYT ngày 09 tháng 12  
năm 2024.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 02 thủ tục hành chính nội bộ trong hệ  
thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế.

Danh mục và nội dung chi tiết của thủ tục hành chính nội bộ được đăng tải  
trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ  
<https://hochiminhcity.gov.vn/> (Thủ tục hành chính nội bộ).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Y tế và

các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH  
NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5840/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2024  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

<b>STT</b>	<b>Tên TTHC</b>	<b>Lĩnh vực</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
1	Phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế cho cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh	Trang thiết bị và Công trình Y tế	Sở Y tế
2	Thành lập Ban Chỉ đạo chống dịch cấp tỉnh	Tổ chức cán bộ	Sở Y tế

## PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**1. Tên thủ tục: Phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế cho cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp tỉnh**

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Đơn vị sự nghiệp nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt định mức.

Bước 2: Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, người có thẩm quyền quy định tại Điều 5 Thông tư 08/2019/TT-BYT có trách nhiệm phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng, trường hợp không phê duyệt phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị Y tế chuyên dùng của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp Y tế

(2) Danh mục trang thiết bị Y tế chuyên dùng hiện có kèm theo số lượng cụ thể của từng chủng loại.

(3) Điều lệ tổ chức và hoạt động và Quy hoạch phát triển của đơn vị (nếu có);

(4) Bảng kê khai nhân lực và cơ sở vật chất của đơn vị. Đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải đính kèm thêm văn bản phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn của cơ sở;

(5) Bản thuyết minh về nhu cầu sử dụng của từng chủng loại trang thiết bị Y tế bổ sung thêm trong 03 năm tiếp theo;

Lưu ý: Các tài liệu quy định tại điểm (2) (4) (5) phải được Thủ trưởng đơn vị ký tên, đóng dấu.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Đơn vị được giao trách nhiệm rà soát, tổng hợp tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế cho cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh (Sở Y tế).

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Y tế;
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc an hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu Văn bản đề nghị phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị Y tế chuyên dùng quy định tại Phụ lục 2 Thông tư 08/2019/TT-BYT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Quyết định số 50/2017/QĐ-Ttg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị;

- Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31 tháng 05 năm 2019 của Bộ Y tế hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế.

Quyết định số 2316/QĐ-BYT ngày 04/6/2020 của Bộ Y tế về việc phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.

**2. Tên thủ tục: Thành lập Ban Chỉ đạo chống dịch cấp tỉnh.****a) Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Trong vòng 24 giờ, kể từ khi có công bố dịch của người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21 tháng 11 năm 2007, Ban Chỉ đạo chống dịch cấp tỉnh phải được thành lập.

Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập Ban Chỉ đạo chống dịch cấp tỉnh theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Quyết định số 56/2010/QĐ-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo chống dịch cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 56/2010/QĐ-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

**b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Trực tuyến****c) Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị thành lập Ban Chỉ đạo chống dịch cấp tỉnh.
- Dự thảo Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo chống dịch cấp tỉnh.

Ban chỉ đạo chống dịch: Thành phần được quy định tại mục b khoản 2 Điều 46 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm gồm đại diện của cơ quan y tế, tài chính, thông tin - truyền thông, quân đội, công an và các cơ quan liên quan khác. Trưởng ban chỉ đạo chống dịch là Chủ tịch UBND cùng cấp.

Cơ quan y tế cùng cấp là thường trực của Ban chỉ đạo.

**d) Thời hạn giải quyết: Trong vòng 24 giờ, kể từ khi có công bố dịch****đ) Đối tượng thực hiện: Sở Y tế Thành phố****e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Y tế Thành phố.
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính.****h) Phí, lệ phí (nếu có): Không có.****i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.**



k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

l) Căn cứ pháp lý của Thủ tục hành chính:

- Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm số 03/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;

- Quyết định số 56/2010/QĐ-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định thẩm quyền thành lập, tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo chống dịch các cấp;

- Quyết định số 02/2016/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện công bố dịch, công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm;

- Quyết định số 26/2023/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi phụ lục quy định thời gian ủ bệnh trung bình và thời gian không phát hiện thêm trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm làm căn cứ để công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm ban hành kèm theo Quyết định số 02/2016/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2016 quy định điều kiện công bố dịch, công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm.

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5841/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 12 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Thú y  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 4353/TTr-SNN ngày 10 tháng 12 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://hochiminhcity.gov.vn/> (Bộ thủ tục hành chính chuẩn hóa).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2025.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC THÚ Y THUỘC PHẠM VI  
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5841/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Quyết định công bố danh mục TTHC</b>	<b>VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC</b>
Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y	Quyết định số 5031/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực chăn nuôi, thú y phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn <i>(thứ tự B.1)</i> .	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thông tư số 15/2024/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y;</li><li>- Quyết định số 4221/QĐ-BNN-TY ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li></ul>

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5843/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 12 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến  
do Sở Xây dựng quản lý năm 2024**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia;

*Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố năm 2024;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Công văn số 12012/SXD-VP ngày 11 tháng 12 năm 2024.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến**

Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần trên môi trường điện tử do Sở Xây dựng quản lý (*kèm theo phụ lục*).

Danh mục thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp tham mưu thực hiện quy trình tổ chức xây dựng và giải pháp bảo đảm phương thức thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Cụ thể:

- Rà soát, xây dựng Phương án đơn giản hóa quy trình, thời gian thực hiện, thành phần hồ sơ và các bộ phận cấu thành khác của thủ tục hành chính trên cơ sở đánh giá các nguồn dữ liệu đã có và mức độ sẵn sàng tích hợp, cung cấp thông tin trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Xác định giải pháp nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính; giải pháp định danh, mức độ bảo đảm an toàn của các phương thức xác thực điện tử; giải pháp tích

hợp, chia sẻ, khai thác thông tin với các nguồn dữ liệu, dịch vụ công có liên quan và các giải pháp kỹ thuật khác.

- Triển khai số hóa thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính, kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực, tái sử dụng cơ sở dữ liệu đã được số hóa, lưu trữ số, cung cấp kết quả điện tử khi giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

- Xây dựng quy trình điện tử, thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, tích hợp Cổng dịch vụ công quốc gia đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật về giao diện, truy cập, tương tác, kết nối, chia sẻ dữ liệu, lưu trữ, bảo mật theo quy định.

2. Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức:

Phối hợp chặt chẽ trong thực hiện đơn giản hóa quy trình thủ tục; xây dựng quy trình điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.

3. Giao Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố tổ chức cấu hình, triển khai đầy đủ các thủ tục toàn trình, một phần được phê duyệt trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố tại địa chỉ <https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn/>

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

### **Điều 4. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

**Phụ lục**

**Danh mục thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến do Sở Xây dựng quản lý năm 2024**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5843/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Toàn trình	Một phần	
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Vật liệu xây dựng</b>						
1	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	X			X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 2173/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng</b>						
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xin dừng thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	X			X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023	
3	Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt	X			X	Thay thế DVCTT trong	



	động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp)						QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
4	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp: Cấp lần đầu hoặc Giấy chứng nhận hết hạn mà tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có nhu cầu tiếp tục hoạt động)	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
5	Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm hoặc thay đổi, bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn thí nghiệm trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực Hoạt động xây dựng</b>						
6	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III ( <i>trường hợp cá nhân nộp hồ sơ khi đã có kết quả sát hạch</i> )	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
7	Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III ( <i>trường hợp cá nhân nộp hồ sơ khi đã có kết quả sát hạch</i> )	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
8	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng)	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023

9	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (bị ghi sai thông tin)	X			X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
10	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III ( <i>trường hợp cá nhân nộp hồ sơ khi đã có kết quả sát hạch</i> )	X			X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
11	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III của cá nhân là người nước ngoài	X			X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 2173/QĐ-UBND ngày 24/5/2023
12	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng chứng chỉ hạng II, hạng III ( <i>trường hợp cá nhân nộp hồ sơ khi đã có kết quả sát hạch</i> )	X			X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
13	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III	X			X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 2173/QĐ-UBND ngày 24/5/2023
14	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do mất, hư hỏng)	X			X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
15	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (bị ghi sai thông tin)	X			X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
16	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	X			X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
17	Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III	X			X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND

							ngày 07/8/2023
18	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
19	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
20	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 309/QĐ-UBND ngày 25/01/2024
21	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 309/QĐ-UBND ngày 25/01/2024
22	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 309/QĐ-UBND ngày 25/01/2024
23	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 309/QĐ-UBND

	tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)						ngày 25/01/2024
24	Gia hạn giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 309/QĐ-UBND ngày 25/01/2024
25	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và Nhà ở riêng lẻ		X			X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
26	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và Nhà ở riêng lẻ		X			X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
27	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và Nhà ở riêng lẻ		X			X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023

28	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và Nhà ở riêng lẻ		X			X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
29	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và Nhà ở riêng lẻ		X			X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
30	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và Nhà ở riêng lẻ		X			X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 309/QĐ-UBND ngày 25/01/2024
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực Nhà ở</b>						
31	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực Kinh doanh bất động sản</b>						
32	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 2173/QĐ-UBND ngày 24/5/2023

<b>VI</b>	<b>Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật</b>						
33	Cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 2173/QĐ-UBND ngày 24/5/2023
34	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị		X			X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
<b>VII</b>	<b>Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng</b>						
35	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 309/QĐ-UBND ngày 25/01/2024
<b>VIII</b>	<b>Lĩnh vực Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động</b>						
36	Cấp Chứng chỉ kiểm định viên cho các cá nhân thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng.	X				X	
37	Cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên cho các cá nhân thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng.	X				X	
38	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các tổ chức thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng (bao gồm: hệ thống cốp pha trượt; hệ thống cốp pha leo; hệ giàn thép ván khuôn trượt; máy	X				X	

	khoan, máy ép cọc, đóng cọc chuyên dùng có hệ thống tời nâng; máy bơm bê tông; cần trục tháp; máy vận thăng sử dụng trong thi công xây dựng; máy thi công công trình hầm, ngầm; hệ giàn giáo thép, thanh, cột chống tổ hợp; sàn treo nâng người sử dụng trong thi công xây dựng).						
39	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các tổ chức thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng.	X				X	
40	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các tổ chức thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng.	X			X		

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5844/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 12 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý năm 2024**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia;



*Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố năm 2024;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 4359/SNN-VP ngày 11 tháng 12 năm 2024.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến**

Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần trên môi trường điện tử do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý (*kèm theo phụ lục*).

Danh mục thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp tham mưu thực hiện quy trình tổ chức xây dựng và giải pháp bảo đảm phương thức thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Cụ thể:

- Rà soát, xây dựng Phương án đơn giản hóa quy trình, thời gian thực hiện, thành phần hồ sơ và các bộ phận cấu thành khác của thủ tục hành chính trên cơ sở đánh giá các nguồn dữ liệu đã có và mức độ sẵn sàng tích hợp, cung cấp thông tin trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Xác định giải pháp nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính; giải pháp định danh, mức độ bảo đảm an toàn của các phương thức xác thực điện tử; giải pháp tích

hợp, chia sẻ, khai thác thông tin với các nguồn dữ liệu, dịch vụ công có liên quan và các giải pháp kỹ thuật khác.

- Triển khai số hóa thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính, kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực, tái sử dụng cơ sở dữ liệu đã được số hóa, lưu trữ số, cung cấp kết quả điện tử khi giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

- Xây dựng quy trình điện tử, thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, tích hợp Cổng dịch vụ công quốc gia đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật về giao diện, truy cập, tương tác, kết nối, chia sẻ dữ liệu, lưu trữ, bảo mật theo quy định.

## 2. Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức:

Phối hợp chặt chẽ trong thực hiện đơn giản hóa quy trình thủ tục; xây dựng quy trình điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.

3. Giao Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố tổ chức cấu hình, triển khai đầy đủ các thủ tục toàn trình, một phần được phê duyệt trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố tại địa chỉ <https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn/>

## **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

## **Điều 4. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

**Phụ lục**

**Danh mục thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến  
do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý năm 2024**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5844/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Toàn trình	Một phần	
<b>I.</b>	<b>Lĩnh vực bảo vệ thực vật</b>						
1	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
2	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
5	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Toàn trình	Một phần	
6	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
<b>II.</b>	<b>Lĩnh vực chăn nuôi</b>						
7	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	X			X		
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	X			X		
9	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	X				X	
10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	X				X	
<b>III.</b>	<b>Lĩnh vực khoa học, công nghệ và môi trường</b>						
11	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành (trong lĩnh vực thủy sản)	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Toàn trình	Một phần	
12	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành (trong lĩnh vực trồng trọt; bảo vệ thực vật)	X			X		
13	Đăng ký công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành (trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y)	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
<b>IV.</b>	<b>Lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn</b>						
14	Công nhận làng nghề truyền thống	X				X	
15	Công nhận nghề truyền thống	X				X	
16	Công nhận làng nghề	X				X	
<b>V.</b>	<b>Lĩnh vực kiểm lâm</b>						
17	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III của	X				X	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Toàn trình	Một phần	
	CITES (loài thủy sản)						
18	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III của CITES (trừ các loài thủy sản)	X				X	
19	Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ	X				X	
20	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	X				X	
21	Xác nhận bảng kê lâm sản	X				X	
22	Xác nhận bảng kê lâm sản		X			X	
23	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu		X			X	
24	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	X				X	
25	Quyết định giao rừng cho tổ chức	X				X	
26	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	X				X	
27	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản	X				X	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Toàn trình	Một phần	
	lý						
28	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng	X				X	
29	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	X				X	
30	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân		X			X	
31	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng		X			X	
32	Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư			X		X	
<b>VI.</b>	<b>Lĩnh vực lâm nghiệp</b>						
33	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	X				X	
34	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện,		X			X	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Toàn trình	Một phần	
	cấp xã quyết định đầu tư (1.007919)						
35	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện		X			X	
36	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân		X			X	
37	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái.		X			X	
<b>VII.</b>	<b>Lĩnh vực nông nghiệp</b>						
38	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	X			X		
39	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp huyện)		X		X		
40	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)			X	X		
<b>VIII.</b>	<b>Lĩnh vực thú y</b>						



STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Toàn trình	Một phần	
41	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 1857/QĐ-UBND ngày 27/5/2024
42	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 1857/QĐ-UBND ngày 27/5/2024
43	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 1857/QĐ-UBND ngày 27/5/2024
44	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 1857/QĐ-UBND ngày 27/5/2024
45	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
46	Cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y) (cấp Tỉnh)	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
47	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Toàn trình	Một phần	
48	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật	X				X	
49	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	X				X	
50	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh ( <i>trường hợp động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn Thành phố</i> )	X				X	
51	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	X				X	
<b>IX.</b>	<b>Lĩnh vực thủy lợi</b>						
52	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý	X				X	
53	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Toàn trình	Một phần	
	thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh						
54	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
<b>X.</b>	<b>Lĩnh vực thủy sản</b>						
55	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
56	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	X			X		
57	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Toàn trình	Một phần	
58	Xóa đăng ký tàu cá	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
59	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
60	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
61	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 1875/QĐ-UBND ngày 27/5/2024
62	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	X				X	
63	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	X				X	
64	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá.	X				X	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Toàn trình	Một phần	
65	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, có nguồn gốc từ nuôi trồng.	X				X	
<b>XI.</b>	<b>Lĩnh vực trồng trọt</b>						
66	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	X			X		
67	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	X			X		
68	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	X			X		
69	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	X			X		
70	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	X				X	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Toàn trình	Một phần	
71	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	X				X	
72	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	X				X	
73	Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên	X				X	
<b>XII.</b>	<b>Lĩnh vực giao thông vận tải</b>						
74	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm	X			X		
75	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	X			X		
76	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm do bị mất, bị hỏng	X			X		

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5845/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến  
do Sở Tư pháp quản lý năm 2024**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia;

*Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố năm 2024;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 8402/STP-VP ngày 11 tháng 12 năm 2024.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến**

Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần trên môi trường điện tử do Sở Tư pháp quản lý (*kèm theo phục lục*).

Danh mục thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp tham mưu thực hiện quy trình tổ chức xây dựng và giải pháp bảo đảm phương thức thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Cụ thể:

- Rà soát, xây dựng Phương án đơn giản hóa quy trình, thời gian thực hiện, thành phần hồ sơ và các bộ phận cấu thành khác của thủ tục hành chính trên cơ sở đánh giá các nguồn dữ liệu đã có và mức độ sẵn sàng tích hợp, cung cấp thông tin trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Xác định giải pháp nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính; giải pháp định danh, mức độ bảo đảm an toàn của các phương thức xác thực điện tử; giải pháp tích



hợp, chia sẻ, khai thác thông tin với các nguồn dữ liệu, dịch vụ công có liên quan và các giải pháp kỹ thuật khác.

- Triển khai số hóa thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính, kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực, tái sử dụng cơ sở dữ liệu đã được số hóa, lưu trữ số, cung cấp kết quả điện tử khi giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

- Xây dựng quy trình điện tử, thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, tích hợp Cổng dịch vụ công quốc gia đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật về giao diện, truy cập, tương tác, kết nối, chia sẻ dữ liệu, lưu trữ, bảo mật theo quy định.

## 2. Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức:

Phối hợp chặt chẽ trong thực hiện đơn giản hóa quy trình thủ tục; xây dựng quy trình điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.

3. Giao Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố tổ chức cấu hình, triển khai đầy đủ các thủ tục toàn trình, một phần được phê duyệt trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố tại địa chỉ <https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn/>

## **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

## **Điều 4. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

**Phụ lục**

**Danh mục thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến do Sở Tư pháp quản lý năm 2024**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5845/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành phố	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực quốc tịch</b>						
1	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	X				X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 07/7/2023
2	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	X				X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 07/7/2023
3	Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	X				X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 07/7/2023
4	Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	X				X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 07/7/2023
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực hộ tịch</b>						
5	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	X			X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành phố	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
6	Xác nhận thông tin hộ tịch	X			X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 07/7/2023
7	Cấp bản sao trích lục hộ tịch		X		X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
8	Xác nhận thông tin hộ tịch		X		X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 07/7/2023
9	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài		X			X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
10	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài		X			X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 07/7/2023
11	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài		X			X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
12	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài		X			X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 07/7/2023
13	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài		X			X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 07/7/2023
14	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc		X			X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
15	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải		X		X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành phố	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
	quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài						
16	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		X		X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
17	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; khai tử; thay đổi hộ tịch)		X		X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
18	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài		X			X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
19	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân		X			X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 07/7/2023
20	Cấp bản sao trích lục hộ tịch			X	X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
21	Xác nhận thông tin hộ tịch			X	X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 07/7/2023

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành phố	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
22	Đăng ký khai sinh			X		X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
23	Đăng ký khai tử			X		X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
24	Đăng ký kết hôn			X		X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 07/7/2023
25	Đăng ký nhận cha, mẹ, con			X		X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 07/7/2023
26	Đăng ký lại khai sinh			X		X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
27	Đăng ký lại khai tử			X		X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
28	Đăng ký lại kết hôn			X		X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 07/7/2023
29	Đăng ký khai sinh lưu động			X		X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
30	Đăng ký khai tử lưu động			X		X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
31	Đăng ký kết hôn lưu động			X		X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành phố	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
32	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân			X		X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
33	Đăng ký giám hộ			X		X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
34	Đăng ký chấm dứt giám hộ			X		X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
35	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch			X		X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
36	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân			X	X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
37	Đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ			X		X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
38	Liên thông đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi			X		X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
39	Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất			X		X	
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực Nuôi con nuôi</b>						

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành phố	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
40	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	X				X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 27/5/2024
41	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		X			X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 27/5/2024
42	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước			X		X	
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực Lý lịch tư pháp</b>						
43	Cấp Phiếu Lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	X				X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
44	Cấp Phiếu Lý lịch tư pháp theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	X				X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 07/7/2023
45	Cấp Phiếu Lý lịch tư pháp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người	X				X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành phố	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
	nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)						
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực Công chứng</b>						
46	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	X			X		
47	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	X			X		
48	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	X			X		
49	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	X				X	
50	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	X			X		
51	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công	X				X	



STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành phố	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
	chứng viên						
52	Cấp lại Thẻ công chứng viên	X				X	
53	Xóa đăng ký hành nghề và thu hồi Thẻ công chứng viên trong trường hợp công chứng viên không còn hành nghề tại tổ chức hành nghề công chứng	X			X		
54	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	X				X	
55	Bỏ nhiệm công chứng viên	X				X	
56	Bỏ nhiệm lại công chứng viên	X				X	
57	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	X				X	
58	Công nhận hoàn thành tập sự công chứng	X			X		
59	Hợp nhất Văn phòng công chứng	X				X	
60	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	X				X	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành phố	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
61	Sáp nhập Văn phòng công chứng	X				X	
62	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	X				X	
63	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	X				X	
64	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng	X				X	
65	Thành lập Hội công chứng viên	X				X	
<b>VI</b>	<b>Lĩnh vực Đấu giá tài sản</b>						
66	Cấp thẻ đấu giá viên	X				X	
67	Cấp lại thẻ đấu giá viên	X				X	
68	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	X			X		
69	Thay đổi nội dung hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	X			X		
70	Cấp lại đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	X				X	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành phố	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
71	Đăng ký hoạt động chi nhánh doanh nghiệp đầu giá tài sản	X				X	
72	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đầu giá					X	
<b>VII</b>	<b>Lĩnh vực Hòa giải thương mại</b>						
73	Đăng ký hòa giải viên thương mại vụ việc	X				X	
74	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác	X				X	
75	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại	X				X	
76	Đăng ký hoạt động chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	X				X	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành phố	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
77	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	X			X		
78	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	X			X		
79	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác	X				X	
80	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại	X			X		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành phố	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
	nước ngoài tại Việt Nam						
81	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	X			X		
<b>VIII</b>	<b>Lĩnh vực Luật sư</b>						
82	Thay đổi người đại diện của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên, công ty luật hợp danh	X			X		
83	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư	X				X	
84	Đăng ký hành nghề luật sư tư cách cá nhân	X			X		
85	Hợp nhất công ty luật	X				X	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành phố	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
86	Sáp nhập công ty luật	X				X	
87	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	X				X	
88	Đăng ký hoạt động công ty luật VN chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	X				X	
89	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại VN	X				X	
90	Cấp lại đăng ký hoạt động chi nhánh, công ty luật nước ngoài	X				X	
91	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	X			X		
<b>IX</b>	<b>Lĩnh vực Trọng tài thương mại</b>						
92	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	X			X		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành phố	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
93	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	X				X	
94	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	X				X	
95	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng Chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	X				X	
96	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài	X			X		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành phố	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
	nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh thành phố trực thuộc trung ương khác						
97	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	X				X	
<b>X</b>	<b>Lĩnh vực Tư vấn pháp luật</b>						
98	Đăng ký hoạt động chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật	X				X	
99	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật	X				X	
100	Cấp lại Thẻ tư vấn viên pháp luật	X				X	
101	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	X				X	
102	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	X			X		
<b>XI</b>	<b>Lĩnh vực Thừa phát lại</b>						
103	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát	X			X		



STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành phố	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
	lại						
104	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại	X			X		
105	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại	X				X	
106	Cấp lại Thẻ Thừa phát lại	X				X	
107	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại	X				X	
108	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	X				X	
109	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	X				X	
110	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	X				X	
111	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	X				X	
112	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất,	X				X	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành phố	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
	sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại						
113	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	X				X	
114	Bỏ nhiệm thừa phát lại	X				X	
115	Bỏ nhiệm lại Thừa phát lại	X				X	
116	Miễn nhiệm thừa phát lại (Trường hợp được miễn nhiệm)	X				X	
<b>XII</b>	<b>Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý</b>						
117	Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	X				X	
118	Thủ tục Thay đổi nội dung giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	X				X	
119	Thủ tục Chấm dứt đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	X				X	
120	Thủ tục Cấp lại giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	X				X	
121	Lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	X				X	

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành phố	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
<b>XIII</b>	<b>Lĩnh vực quản lý thanh lý tài sản</b>						
122	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	X				X	
123	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	X			X		
124	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	X			X		
125	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	X			X		
126	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	X			X		
<b>XIV</b>	<b>Lĩnh vực Giám định tư pháp</b>						
127	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	X			X		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành phố	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
128	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	X				X	
129	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	X				X	

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5846/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến do Sở An toàn thực phẩm quản lý năm 2024**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia;

*Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố năm 2024;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở An toàn thực phẩm tại Công văn số 3192/SATTP-VPS ngày 12 tháng 12 năm 2024.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến**

Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần trên môi trường điện tử do Sở An toàn thực phẩm quản lý (*kèm theo phụ lục*).

Danh mục thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp tham mưu thực hiện quy trình tổ chức xây dựng và giải pháp bảo đảm phương thức thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Cụ thể:

- Rà soát, xây dựng Phương án đơn giản hóa quy trình, thời gian thực hiện, thành phần hồ sơ và các bộ phận cấu thành khác của thủ tục hành chính trên cơ sở đánh giá các nguồn dữ liệu đã có và mức độ sẵn sàng tích hợp, cung cấp thông tin trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Xác định giải pháp nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính; giải pháp định danh, mức độ bảo đảm an toàn của các phương thức xác thực điện tử; giải pháp tích

hợp, chia sẻ, khai thác thông tin với các nguồn dữ liệu, dịch vụ công có liên quan và các giải pháp kỹ thuật khác.

- Triển khai số hóa thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính, kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực, tái sử dụng cơ sở dữ liệu đã được số hóa, lưu trữ số, cung cấp kết quả điện tử khi giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

- Xây dựng quy trình điện tử, thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, tích hợp Cổng dịch vụ công quốc gia đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật về giao diện, truy cập, tương tác, kết nối, chia sẻ dữ liệu, lưu trữ, bảo mật theo quy định.

## 2. Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức:

Phối hợp chặt chẽ trong thực hiện đơn giản hóa quy trình thủ tục; xây dựng quy trình điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.

3. Giao Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố tổ chức cấu hình, triển khai đầy đủ các thủ tục toàn trình, một phần được phê duyệt trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố tại địa chỉ <https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn/>

## **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

## **Điều 4. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở An toàn thực phẩm, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

**Phụ lục**

**Danh mục thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến**

**do Sở An toàn thực phẩm quản lý năm 2024**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5846/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp Thành phố	Cấp Huyện	Cấp Xã	Toàn trình	Một phần	
I	<b>Lĩnh vực An toàn thực phẩm và dinh dưỡng</b>						
1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	X	X			X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2345/QĐ-UBND ngày 07/6/2023 Thay thế DVCTT trong Quyết định số 3285/QĐ-UBND ngày 07/8/2023
2	Thủ tục Xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	X				X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2345/QĐ-UBND ngày 7/6/2023



3	Thủ tục Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	X			X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 27/5/2024
4	Thủ tục Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	X			X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 27/5/2024
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực An toàn thực phẩm</b>						
5	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	X				X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2345/QĐ-UBND ngày 07/6/2023
6	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.	X				X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2345/QĐ-UBND ngày 07/6/2023 Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 07/7/2023
<b>III</b>	<b>Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản</b>						
7	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	X				X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2345/QĐ-UBND ngày 7/6/2023
8	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản	X				X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2345/QĐ-UBND ngày 07/6/2023

	(trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)						
<b>IV</b>	<b>Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn</b>						
9	Thủ tục Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	<b>X</b>			<b>X</b>		Thay thế DVCTT Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 27/5/2024
10	Thủ tục Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	<b>X</b>				<b>X</b>	Thay thế DVCTT Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 27/5/2024
<b>V</b>	<b>Lĩnh Thú y</b>						
11	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	<b>X</b>				<b>X</b>	

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5863/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 12 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp quản lý hạ tầng kỹ thuật trong hành lang,  
xung quanh nhà ga tuyến đường sắt đô thị số 1**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một  
số điều của Luật xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 2 năm 2014 của Chính  
phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện; Nghị định số  
51/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của  
Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 2 năm 2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính  
phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Nghị định số 56/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Chính  
phủ quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt;

Căn cứ Thông tư số 29/2023/TT-BGTVT ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ  
trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng  
công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt;

Theo đề nghị của Ban Quản lý Đường sắt đô thị tại Tờ trình số 3571/TTr-  
BQLĐSDT ngày 02 tháng 12 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1. Nội dung ban hành**

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý hạ tầng kỹ thuật trong hành lang, xung quanh nhà ga tuyến đường sắt đô thị số 1.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Trưởng ban Ban Quản lý đường sắt đô thị, Thủ trưởng các Sở, ban-ngành Thành phố, Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đường sắt đô thị số 1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận Bình Thạnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Bùi Xuân Cường**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY CHẾ

**Phối hợp quản lý hạ tầng kỹ thuật trong hành lang,  
xung quanh nhà ga tuyến đường sắt đô thị số 1**  
(Kèm theo Quyết định số 5863/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng:

Quy chế này quy định nguyên tắc, trách nhiệm quản lý, nhiệm vụ và mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong công tác quản lý hạ tầng kỹ thuật trong hành lang, xung quanh nhà ga và hoạt động xây dựng trong phạm vi đất dành cho tuyến đường sắt đô thị số 1 (Bến Thành - Suối Tiên).

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt và các hoạt động lân cận trong phạm vi đất dành cho đường sắt có ảnh hưởng đến an toàn công trình, an toàn giao thông của tuyến đường sắt đô thị số 1.

#### Điều 2. Phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn giao thông tuyến đường sắt đô thị số 1

1. Phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt: Theo quy định tại Chương III Nghị định số 56/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt.

2. Phạm vi đảm bảo an toàn về điện: Theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 2 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện và Điều 1 Nghị

định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 2 năm 2014 của Chính phủ.

### **Điều 3. Nguyên tắc phối hợp**

1. Công tác phối hợp đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật, đúng chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ được giao của mỗi cơ quan Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện, các cơ quan, đơn vị có liên quan.

2. Đảm bảo tính khách quan, đồng bộ, thường xuyên, kịp thời và hiệu quả trong các hoạt động phối hợp.

3. Phối hợp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mỗi Cơ quan, đơn vị; đối với những vấn đề còn ý kiến khác nhau hoặc vượt thẩm quyền, cơ quan chủ trì có trách nhiệm tổng hợp báo cáo, đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định, hoặc chỉ đạo thực hiện theo thẩm quyền quy định.

4. Cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì nhiệm vụ phối hợp phải chịu trách nhiệm xuyên suốt, đến cùng về chất lượng và tiến độ tham mưu nhiệm vụ đó và đảm bảo tuân thủ đúng quy định; không được đùn đẩy trách nhiệm lên cơ quan cấp trên; chủ động phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan để tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

5. Cơ quan, đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm xác định rõ nội dung cần lấy ý kiến, gửi đầy đủ hồ sơ; nêu rõ chính kiến và thẩm quyền ban hành khi trình Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định. Các cơ quan, đơn vị phối hợp chịu trách nhiệm trả lời đầy đủ, có chính kiến đối với các nội dung theo yêu cầu của cơ quan, đơn vị chủ trì.

6. Trong quá trình phối hợp, nếu có nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan, đơn vị chuyên ngành, nhưng cơ quan, đơn vị chuyên ngành không phối hợp, phối hợp thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ theo Quy chế này sẽ chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố và chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật. Cơ quan tham gia các hoạt động phối hợp được phép từ chối phối hợp nếu nội dung đề nghị phối hợp không liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan phối hợp.

7. Đảm bảo tuân thủ thời hạn trả lời ý kiến theo yêu cầu của cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ hoặc theo chỉ đạo của cơ quan cấp trên. Các cơ quan được đề nghị phối hợp phải thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ, không đùn đẩy trách nhiệm lẫn nhau.

**Điều 4. Phương thức phối hợp**

1. Trao đổi bằng văn bản, thư điện tử (không quá 15 ngày làm việc kể từ thời điểm cơ quan chủ trì ký gửi văn bản đề nghị phối hợp). Đối với các yêu cầu phối hợp đột xuất để đảm bảo kịp thời công tác, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị có thể trao đổi trực tiếp thông qua gặp gỡ, điện thoại, email công vụ nhưng sau đó phải thực hiện bằng văn bản.

2. Tổ chức đoàn khảo sát thực tế hoặc tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra của các đoàn công tác liên ngành theo quy định.

3. Tổ chức các cuộc họp, đột xuất, sơ kết, tổng kết.

4. Cử nhân sự phối hợp:

a) Khi phát sinh công việc cần phối hợp, bên yêu cầu phối hợp có thể đề nghị cử nhân sự tham gia phối hợp. Văn bản đề nghị gồm: mục đích phối hợp, nội dung yêu cầu phối hợp, cách thức phối hợp. Cơ quan, đơn vị được đề nghị phối hợp có trách nhiệm cử nhân sự theo đúng yêu cầu và tạo điều kiện để nhân sự được cử tham gia phối hợp hoàn thành nhiệm vụ.

b) Trường hợp bên được đề nghị phối hợp không cử được nhân sự tham gia phối hợp theo yêu cầu thì phải có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do.

**Chương II  
NỘI DUNG PHỐI HỢP****Điều 5. Phạm vi phối hợp**

1. Xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho tuyến đường sắt đô thị số 1 thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 56/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt.

2. Hoạt động, sử dụng đất trong phạm vi đất dành cho tuyến đường sắt đô thị số 1 thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 56/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt.

**Điều 6. Nội dung phối hợp**

1. Phối hợp xem xét các giải pháp kỹ thuật của Chủ đầu tư dự án khác để không

làm ảnh hưởng đến sự ổn định, tuổi thọ, bảo đảm an toàn công trình đường sắt, an toàn giao thông vận tải đường sắt, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy, nổ, cứu hộ, cứu nạn; đồng thời phải phù hợp với quy hoạch tuyến, ga đường sắt đối với công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật chuyên ngành thuộc thẩm quyền phân cấp quản lý.

2. Phối hợp trong việc xác định, cắm mốc giới ngoài thực địa trong phạm vi đất dành cho tuyến đường sắt đô thị số 1 theo phân cấp quản lý.

3. Phối hợp trao đổi thông tin, xử lý các yêu cầu phối hợp đột xuất để đảm bảo kịp thời công tác.

4. Phối hợp trong công tác quản lý, bảo vệ, thực hiện các biện pháp ngăn chặn, xử lý các hành vi lấn, chiếm sử dụng trái phép phạm vi đất dành cho đường sắt, đảm bảo an toàn công trình đường sắt, an toàn giao thông vận tải đường sắt, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy, nổ, cứu hộ, cứu nạn theo quy định.

5. Phối hợp trong công tác quản lý, kiểm tra, giám sát các hành vi lấn, chiếm sử dụng trái phép phạm vi đất dành cho đường sắt và trong khi thực hiện hoạt động xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho tuyến đường sắt đô thị số 1.

### **Điều 7. Các nội dung thực hiện**

Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn giao thông tuyến đường sắt đô thị số 1 phải tuân thủ các quy định sau:

1. Thực hiện theo các quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 91 Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; điểm b, c, d, e khoản 39 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi ngày 17 tháng 6 năm 2020 được hướng dẫn tại Chương IV Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2021 và các quy định tại Điều 26, Điều 27 Nghị định số 56/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt.

2. Xử lý sự cố công trình thực hiện theo quy định tại Điều 119 Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014.

## **Chương III TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN**



**Điều 8. Trách nhiệm quản lý của Ban Quản lý Đường sắt đô thị và Đơn vị quản lý đường sắt**

1. Tham gia ý kiến đối với việc thực hiện hoạt động xây dựng các công trình trong phạm vi đất dành cho đường sắt đô thị theo đề nghị của Chủ đầu tư dự án khác và các cơ quan, đơn vị liên quan.

2. Phối hợp với Chủ đầu tư dự án khác khi thực hiện hoạt động xây dựng trong phạm vi đất dành cho đường sắt thực hiện các giải pháp kỹ thuật không làm ảnh hưởng đến sự ổn định, tuổi thọ, bảo đảm an toàn công trình đường sắt, an toàn giao thông vận tải đường sắt vệ sinh môi trường, phòng chống cháy, nổ, cứu hộ, cứu nạn; đồng thời phải phù hợp với quy hoạch tuyến, ga đường sắt (khi có yêu cầu).

3. Trường hợp phạm vi đất dành cho tuyến đường sắt đô thị số 1 bị xâm phạm phải kịp thời ngăn chặn, đồng thời báo cáo và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

4. Xác định, cắm mốc giới ngoài thực địa trong phạm vi đất dành cho tuyến đường sắt đô thị số 1 (Bến Thành - Suối Tiên).

5. Tổng hợp nội dung thực hiện trong năm, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về nội dung quản lý, phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Điều 9. Trách nhiệm của Chủ đầu tư dự án khác**

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

2. Chủ đầu tư dự án khác phải phối hợp chặt chẽ với đơn vị chủ trì trong quá trình thực hiện hoạt động xây dựng.

3. Chủ đầu tư dự án khác phải bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra cho công trình đường sắt và an toàn giao thông vận tải đường sắt theo quy định của pháp luật.

4. Cam kết di chuyển hoặc cải tạo công trình đúng tiến độ theo yêu cầu của Cơ quan chủ trì, không được yêu cầu bồi thường và chịu hoàn toàn trách nhiệm, kinh phí liên quan.

5. Không được yêu cầu bồi thường và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm, kinh phí di dời hoặc các chi phí liên quan khác (nếu có).

**Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan.**

### 1. Trách nhiệm của các Sở chuyên ngành

a) Xem xét, chấp thuận giải pháp kỹ thuật của Chủ đầu tư dự án khác theo phân cấp quản lý để không làm ảnh hưởng đến sự ổn định, tuổi thọ, bảo đảm an toàn công trình đường sắt, an toàn giao thông vận tải đường sắt, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy, nổ, cứu hộ, cứu nạn; đồng thời phải phù hợp với quy hoạch tuyến, ga đường sắt đối với công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật chuyên ngành thuộc thẩm quyền phân cấp quản lý.

b) Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hành vi lấn, chiếm sử dụng trái phép phạm vi đất dành cho đường sắt, đưa ra các biện pháp xử lý nhằm đảm bảo an toàn công trình đường sắt, an toàn giao thông vận tải đường sắt, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy, nổ, cứu hộ, cứu nạn theo quy định thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp.

### 2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Quận 1, Quận Bình Thạnh và thành phố Thủ Đức

a) Xem xét, chấp thuận giải pháp kỹ thuật của Chủ đầu tư dự án khác theo phân cấp quản lý để không làm ảnh hưởng đến sự ổn định, tuổi thọ, bảo đảm an toàn công trình đường sắt, an toàn giao thông vận tải đường sắt, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy, nổ, cứu hộ, cứu nạn; đồng thời phải phù hợp với quy hoạch tuyến, ga đường sắt đối với các dự án trong phạm vi thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Quận 1, Quận Bình Thạnh, Thành phố Thủ Đức.

b) Phối hợp có ý kiến (nơi có hoạt động xây dựng công trình thiết yếu) theo đề nghị của cơ quan chủ trì để tổng hợp xem xét, giải quyết theo quy định đối với hoạt động xây dựng công trình thiết yếu trong hành lang, xung quanh nhà ga thuộc hành lang tuyến đường sắt đô thị số 1.

c) Quản lý, giám sát và kiểm tra việc thực hiện các biện pháp ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi lấn chiếm đất dành cho đường sắt thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp.

d) Phối hợp với Ban Quản lý Đường sắt đô thị và đơn vị quản lý đường sắt trong việc xác định, cắm mốc giới ngoài thực địa trong phạm vi đất dành cho tuyến đường sắt đô thị số 1 (Bến Thành - Suối Tiên).

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 11. Khen thưởng và xử lý vi phạm**

1. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có thành tích trong hoạt động đảm bảo an toàn công trình đường sắt, an toàn giao thông vận tải đường sắt vệ sinh môi trường, phòng chống cháy, nổ, cứu hộ, cứu nạn theo quy định của Quy chế này được khen thưởng theo Luật Thi đua, khen thưởng, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về các hoạt động đảm bảo an toàn công trình đường sắt, an toàn giao thông vận tải đường sắt, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy, nổ, cứu hộ, cứu nạn trong phạm vi công trình đường sắt thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 12. Tổ chức thực hiện**

1. Các cơ quan, đơn vị trong phạm vi của Quy chế này có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung Quy chế, các Sở, ban - ngành, các cơ quan có liên quan gửi kiến nghị về Ban Quản lý Đường sắt đô thị để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng